TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:148/2023/DS-ST
Ngày: 01-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp tiền hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.
2. Ông Trương Hữu Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 01/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 274/2023/TLST-DS ngày 04/7/2023 về việc "tranh chấp hợp đồng góp tiền hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2023/QĐXXST-DS ngày 07/11/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Ê, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu M có mặt; bị đơn bà Trần Thị Ê đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai những vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu M trình bày***:

Bà M với bà Ê là hàng xóm với nhau và có tham gia chơi hụi của nhau. Bà M làm chủ hụi còn bà Ê là hụi viên. Bà M làm chủ hụi đến nay đã được 03 năm, bà M làm hụi theo hình thức là hụi hoa hồng. Bà Ê tham gia hụi do do M

làm chủ từ đầu năm 2022. Bà Ê tham gia 02 dây hụi, dây thứ nhất là hụi 2.000.000 đồng và dây thứ hai là hụi 1.000.000 đồng, tổng số tiền nợ tính đến ngày khởi kiện là 12.000.000 đồng, cụ thể:

- *Dây thứ nhất*: Dây hụi tháng số tiền 2.000.000 đồng mở ngày 20/4/2022, hụi gồm 23 phần (có người tham gia 02 phần), hụi đến ngày 20/02/2024 là mãn hụi. Bà Ê tham gia 01 phần hụi lấy tên là Sáu T (bà Ê là vợ ông Sáu T). Bà Ê bỏ hụi và hốt hụi vào ngày 20/5/2022 với số tiền hốt được là 27.880.000 đồng. Sau khi bà Ê hốt hụi thì bà Ê đóng hụi chết cho đến hết tháng 01/2023 thì ngưng. Bà Ê không đóng hụi chết từ tháng 02/2023 đến khi khởi kiện là 05 tháng (tháng 02, 3, 4, 5, 6/2023) với tổng số tiền là 10.000.000 đồng.

- *Dây thứ hai*: Dây hụi tháng số tiền 1.000.000 đồng mở ngày 05/10/2022, hụi gồm 25 phần (có người tham gia 02 phần), hụi đến ngày 05/10/2024 là mãn hụi. Bà Ê tham gia 01 chân hụi lấy tên là Sáu T (bà Ê là vợ ông Sáu T). Bà Ê bỏ hụi và hốt hụi vào ngày 05/11/2022 với số tiền hốt được là 14.800.000 đồng. Sau khi bà Ê hốt hụi thì bà Ê đóng hụi chết cho đến hết tháng 04/2023 thì ngưng. Bà Ê không đóng hụi chết từ tháng 5/2023 đến khi khởi kiện là 02 tháng (tháng 5, 6/2023) với tổng số tiền là 2.000.000 đồng.

Việc chơi hụi thì bà M có lập sổ hụi cái theo danh sách những người chơi và chủ hụi giữ; đồng thời lập sổ hụi con giao cho người chơi hụi giữ theo dõi. Việc thu tiền hụi thì khi thu được tiền thì bà M đánh dấu "X" vào sổ hụi cái để theo dõi, nếu chưa thu được tiền thì để trống. Việc giao hụi thì bà M có lập giấy viết tay đưa cho người nhận hụi giữ còn chủ hụi thì ghi chú vào sổ cái.

Nay, bà M yêu cầu bà Ê thanh toán số tiền nợ của 02 dây hụi với tổng số tiền nợ tính đến ngày khởi kiện là 12.000.000 đồng. Số tiền hụi của những thời gian còn nợ lại sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- *Chứng cứ nguyên đơn bà M cung cấp*: Đơn khởi kiện ngày 26/6/2023 của bà M (bản gốc); Căn cước công dân và xác nhận thông tin cư trú của nguyên đơn bà M (bản sao); "Sổ hụi" do bà M lập (bản sao); "Giấy giao tiền hụi" lập ngày 20/5/2022 chữ ký và ghi tên Nguyễn Thị Thu M và Trần Thị Ê (bản sao); "Giấy giao tiền hụi" lập ngày 05/11/2022 chữ ký và ghi tên Nguyễn Thị Thu M và Trần Thị Ê (bản sao); Bản tự khai ngày 26/6/2023 của bà M (bản gốc).

**** Bị đơn bà Trần Thị Ê***:

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Ê, bà Ê có nhận các văn bản Tòa án tống đạt nhưng bà Ê không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến và không tham gia giải quyết vụ án.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà M có mặt; bị đơn bà Ê được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án xét

xử vắng mặt bị đơn bà Ê theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp "tranh chấp hợp đồng góp tiền hụi". Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà M có mặt; bị đơn bà Ê được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Ê theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, bà M khởi kiện yêu cầu bà Ê thanh toán số tiền nợ của 02 dây hụi (Dây hụi tháng số tiền 2.000.000 đồng mở ngày 20/4/2022 và D hụi tháng số tiền 1.000.000 đồng mở ngày 05/10/2022) với tổng số tiền nợ tính đến ngày khởi kiện là 12.000.000 đồng.

Xét thấy, bị đơn bà Ê có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng góp tiền hụi". Tại phiên tòa, nguyên đơn bà M có mặt, bị đơn bà Ê vắng mặt nên các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Bà M là chủ hụi còn bà Ê là hụi viên. Việc tổ chức hụi, bà M có lập sổ hụi cái theo danh sách những người chơi để quản lý và lập sổ hụi con giao cho người chơi hụi giữ theo dõi. Việc thu tiền hụi, khi thu được tiền thì bà M đánh dấu "X" vào sổ cái để theo dõi, nếu chưa thu được tiền thì để trống. Việc giao hụi, bà M có lập giấy viết tay đưa cho người nhận hụi giữ còn chủ hụi thì ghi chú vào sổ cái. Bà M khởi kiện bà Ê yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu của 02 dây hụi tháng (hụi 2.000.000 đồng và hụi 1.000.000 đồng), tổng số tiền nợ tính đến ngày khởi kiện là 12.000.000 đồng, cung cấp chứng cứ và trình bày cụ thể:

- *Dây thứ nhất*: Dây hụi tháng số tiền 2.000.000 đồng, mở ngày 20/4/2022, hụi gồm 23 phần, mãn hụi ngày 20/02/2024. Bà Ê tham gia 01 phần hụi lấy tên là Sáu T. Bà Ê bỏ hụi và hốt hụi vào ngày 20/5/2022 với số tiền hốt được là 27.880.000 đồng. Sau khi bà Ê hốt hụi thì bà Ê đóng hụi chết cho đến hết tháng 01/2023 thì ngưng. Bà Ê không đóng hụi chết từ tháng 02/2023 đến khi khởi kiện là 05 tháng (tháng 02, 3, 4, 5, 6/2023) với tổng số tiền là 10.000.000 đồng.

- *Dây thứ hai*: Dây hụi tháng số tiền 1.000.000 đồng, mở ngày 05/10/2022, hụi gồm 25 phần, mãn hụi ngày 05/10/2024. Bà Ê tham gia 01 chân hụi lấy tên là Sáu T. Bà Ê bỏ hụi và hốt hụi vào ngày 05/11/2022 với số tiền hốt

được là 14.800.000 đồng. Sau khi bà Ê hốt hụi thì bà Ê đóng hụi chết cho đến hết tháng 04/2023 thì ngưng. Bà Ê không đóng hụi chết từ tháng 5/2023 đến khi khởi kiện là 02 tháng (tháng 5, 6/2023) với tổng số tiền là 2.000.000 đồng.

[3.2] Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Ê tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng bà Ê có nhận văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do; đồng thời bà Ê cũng không cung cấp chứng cứ, không cung cấp ý kiến của mình.

[3.3] Theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định bà Ê đã thanh toán số tiền hụi còn thiếu cho bà M. Do đó, bà Ê phải có trách nhiệm thanh toán số tiền góp hụi còn thiếu cho bà M tính đến tháng 6/2023 của 02 dây hụi với tổng số tiền là 12.000.000 đồng theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Mặc dù, bà Trần Thị Ê, sinh năm 1962 là thuộc trường hợp người cao tuổi (Điều 2 Luật Người cao tuổi) và có thể được xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng bà Ê không có đơn nên theo hướng dẫn tại Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao thì bà Ê vẫn phải chịu. Do đó, bị đơn bà Ê phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "tranh chấp hợp đồng góp tiền hụi" của bà Nguyễn Thị Thu M đối với bà Trần Thị Ê.

1.1. Buộc bà Trần Thị Ê có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu M số tiền góp hụi còn thiếu của 02 dây hụi (Dây hụi tháng số tiền 2.000.000 đồng, mở ngày 20/4/2022 và D hụi tháng số tiền 1.000.000 đồng, mở ngày 05/10/2022) tính đến tháng 6/2023 với tổng số tiền 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*).

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Trần Thị Ê phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng *(sáu trăm nghìn đồng)*.

2.2. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Thu M toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0009080 ngày 27/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 01/12/2023).

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng